CÔNG TY TNHH THUẬN PHÁT HƯNG
Địa chỉ: 129 Đường A4, Phường Bảy Hiền, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
Điện thoại: (+84 28) 62 68 78 78 | **Fax:** (+84 28) 62 68 78 79 | **Web:** www.thuanphathung.com

DAVI TAG 50
Chất trợ lắng

1. MÔ TẢ:
DAVI TAG 50 là một loại polymer cao phân tử với thành phần chính là Polyacrylamide dạng bột thế hệ mới có điện tích dương Cation mạnh với khả năng đông tụ và trợ lắng các phân tử rắn cao, cải thiện chất lượng nước thải bằng việc giảm các chất lơ lửng.

2. ƯU ĐIỂM:
- Hiệu quả cao với lượng sử dụng thấp, không phát sinh bọt.
- Dễ dàng hoà tan trong nước, không tạo ra các "mắt cá" vón cục khi được hoà tan đúng quy trình.
- Tăng hiệu quả thu hồi xơ sợi và chất độn.
- Cải thiện độ trong của nước tuần hoàn giúp lọc sạch các hạt rắn lơ lửng trong nước trắng và nước thải.
- Cải thiện tốc độ thoát nước trên lưới máy xeo, hỗ trợ nâng cao hiệu suất sản xuất.
- Tính ổn định cao và thích hợp trong khoảng pH rộng, phù hợp với môi trường phổ biến trong sản xuất giấy.
- An toàn trong quá trình sử dụng và thân thiện với môi trường.

3. THÔNG SỐ KỸ THUẬT:
Ngoại quan	:	Dạng hạt màu trắng
Độ nhớt (cps)	:	30 – 80 (dd 0.1%)
Tính ion	:	Cation mạnh
Độ ẩm (%)	:	Max 5%
Độ tan	:	Tan chậm trong nước

4. SỬ DỤNG:
- Cách dùng: **DAVI TAG 50** thông thường được pha với nước với nồng độ từ 0.01% - 0.2%. Thời gian khuấy trộn liên tục khoảng một giờ để tan hoàn toàn, tránh hiện tượng vón cục.
- Khi pha dung dịch, nên cho từ từ **DAVI TAG 50** vào nước để tránh bị vón cục bộ, không tan hoàn toàn. Tốc độ khuấy trộn 100 - 150 vòng/phút. Nên sử dụng hai bể riêng biệt, một bể sử dụng và một bể chuẩn bị dung dịch.
- Dung dịch sau pha được chứa ở bể chứa trước khi bơm đi sử dụng. Có thể sử dụng luôn dung dịch trên hoặc tiếp tục pha loãng thêm với nước tới nồng độ 0.01 – 0.05%, tùy thuộc vào điều kiện của nhà máy trước khi bơm cấp đi sử dụng.

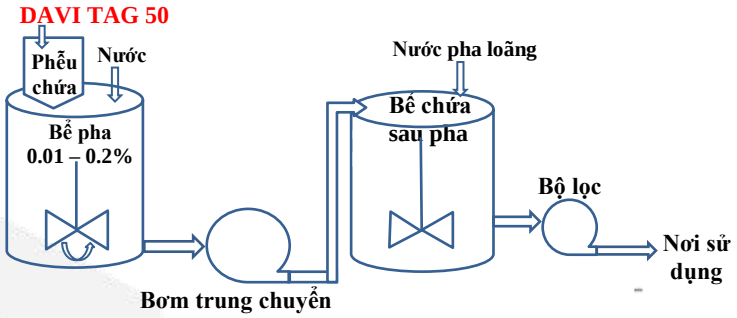

Lưu ý:
- *Nước pha loãng phải dùng nước sạch, không có cặn lơ lửng.*
- *Giảm khuấy trộn khi polyme đã phân tán đều để tránh làm giảm hiệu suất sử dụng.*
- *Vệ sinh bồn pha, bể chứa thường xuyên để loại bỏ phần cặn nhớt dưới đáy.*

5. BẢO QUẢN VÀ LƯU TRỮ
- Tránh ánh nắng chiếu trực tiếp.
- Đóng kín miệng bao và lưu giữ ở nơi thoáng mát (20 – 30°C) nếu không sử dụng.
- Hạn sử dụng: 12 tháng.
- Không sử dụng vỏ bao đã hết cho mục đích khác.

6. XUẤT XỨ VÀ ĐÓNG GÓI
- Đóng gói: 25 kg/bao.
- Hình ảnh đóng gói:

- Hoàn tất sản xuất và đóng gói tại **Công ty MK Technology**, Tây Ninh, Việt Nam.

Cần đọc kỹ hướng dẫn sử dụng và tuân thủ các điều kiện an toàn lao động được quy định trên MSDS khi sử dụng sản phẩm.

Những thông tin trên đây chỉ mang tính tham khảo. Chúng tôi không thể tiên đoán chính xác hiệu quả ở mỗi điều kiện khác nhau hoặc kết hợp với các phụ gia khác mà nhà máy ứng dụng. Vì thế, chúng tôi không chịu trách nhiệm về kết quả sử dụng có sự thay đổi khác với những thông tin này. Các nhà máy nên sử dụng một khoảng thời gian tối thiểu đủ để đánh giá và xác định điều kiện tối ưu trước khi sử dụng lâu dài để đạt hiệu quả chất lượng giấy cao nhất có thể. Nhân viên của Thuận Phát Hưng sẽ sẵn lòng hướng dẫn khi được yêu cầu.

Thuan Phat Hung	**PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT** **MATERIAL SAFETY DATASHEET (MSDS)** Tên hóa chất: **Polyme cation Davi Tag 50**

1. NHẬN DẠNG HÓA CHẤT VÀ THÔNG TIN VỀ NHÀ CUNG CẤP

a) Thông tin sản phẩm:

Số CAS: Xem thành phần
Số UN (nếu có): N/A
Số đăng ký EC (nếu có): N/A
Tên thương mại: Polyme cation Davi Tag 50

b) Mục đích sử dụng và hạn chế khi sử dụng:

Mục đích sử dụng: Chất trợ lắng
Hạn chế khi sử dụng: N/A

c) Thông tin nhà cung cấp:

Nhà sản xuất: Công ty TNHH MK Technology
Địa chỉ: Đường tỉnh lộ 825, Ấp Bình Tiền 2, Xã Đức Hòa, Tỉnh Tây Ninh
Nhà phân phối: Công ty TNHH Thuận Phát Hưng
Địa chỉ: 129 Đường A4, Phường Bảy Hiền, TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 907 88 78 78

d) Số điện thoại liên hệ trong trường hợp khẩn cấp: (+84) 907 88 78 78

2. NHẬN DẠNG ĐẶC TÍNH NGUY HIỂM CỦA HÓA CHẤT

a) Phân loại theo GHS: Chưa có thông tin
b) Các yếu tố nhãn theo GHS: Chưa có thông tin
c) Các thông tin nguy hại khác: Chưa có thông tin

3. THÔNG TIN VỀ THÀNH PHẦN CÁC CHẤT

Thành phần	Số CAS	Công thức hóa học	Hàm lượng (%)
Polyacrylamide	9003-05-8	$(C_3H_5NO)_n$	96-98

4. BIỆN PHÁP SƠ CỨU VỀ Y TẾ

a) Mô tả các biện pháp tương ứng với các đường phơi nhiễm:

- Trường hợp tai nạn khi tiếp xúc với mắt (bị văng, dây vào mắt): Rửa mắt liên tục bằng nhiều nước ít nhất 10 phút, nếu có triệu chứng khác thường cần đến bác sĩ chuyên khoa mắt.
- Trường hợp tai nạn tiếp xúc trên da (bị dây vào da): Rửa vùng bị dính bằng thật nhiều nước sạch. Ngay lập tức thay áo quần bị nhiễm bẩn.
- Trường hợp tai nạn tiếp xúc theo đường hô hấp (hít thở phải hóa chất nguy hiểm dạng hơi, khí): Đưa ra vùng không khí sạch, cần hỗ trợ y tế nếu có triệu chứng khác thường.
- Trường hợp tai nạn theo đường tiêu hóa: Nếu nuốt phải không được để nạn nhân nôn mửa, trừ khi được phép bởi nhân viên y tế. Không bao giờ cho bất cứ thứ gì vô miệng khi nạn nhân bất tỉnh. Nếu nuốt số lượng lớn cần gọi cấp cứu ngay. Nới lỏng quần áo, cổ áo, cà vạt, thắt lưng.

b) Các triệu chứng/tác hại nghiêm trọng tức thời và ảnh hưởng sau này: Chưa có thông tin
c) Các chỉ thị và hướng dẫn cấp cứu đặc biệt cần thiết: Chưa có thông tin

5. BIỆN PHÁP XỬ LÝ KHI CÓ HỎA HOẠN

a) Các phương tiện chữa cháy thích hợp: Sử dụng nước, bột khô, cacbon dioxit và các vật liệu trơ khác.
b) Các chất độc được sinh ra khi bị cháy : Chưa có thông tin
c) Phương tiện, trang phục bảo hộ và cảnh báo cần thiết khi chữa cháy: Cần có trang phục bảo hộ phù hợp khi chữa cháy.

6. BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA, ỨNG PHÓ KHI CÓ SỰ CỐ

a) **Trang thiết bị bảo hộ và quy trình ứng phó sự cố:** Trang bị đầy đủ phương tiện bảo hộ như mặt nạ, quần áo bảo hộ, găng tay, ủng khi xử lý sự cố. Thay áo quần bị nhiễm bẩn, tắm sạch với nhiều nước và xà phòng.

b) **Các cảnh báo về môi trường:** Không được thải trực tiếp vào hệ thống cống rãnh hoặc môi trường. Nếu vô tình thải một lượng lớn vào môi trường nước có thể gây hại cho các sinh vật dưới nước.

c) **Biện pháp, vật liệu vệ sinh sau khi xảy ra sự cố:** Dùng dụng cụ nhựa để xúc đổ vào các thùng chứa bằng nhựa, không xả trực tiếp và nguồn nước.

7. YÊU CẦU VỀ SỬ DỤNG, BẢO QUẢN

a) **Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi sử dụng, thao tác với hóa chất nguy hiểm** : Cần được bảo quản tại nơi khô ráo, mát, thoáng gió, được che mưa, nắng.

b) **Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi bảo quản** : Không bảo quản chung một nơi với các chất không tương thích. Bảo quản ở nhiệt độ phòng.

8. KIỂM SOÁT PHƠI NHIỄM/YÊU CẦU VỀ THIẾT BỊ BẢO VỆ CÁ NHÂN

a) **Các thông số kiểm soát** : Chưa có thông tin

b) **Các biện pháp kiểm soát thiết bị phù hợp:** Hạn chế tiếp xúc trực tiếp. Không được hít hơi. Đảm bảo đầy đủ không khí sạch trong những phòng kín. Không ăn uống hút thuốc nghỉ ngơi hội họp ở nơi có hoá chất.

c) **Biện pháp và thiết bị bảo hộ cá nhân:**
Bảo vệ mắt: Đeo kính hoặc mặt nạ bảo hộ
Bảo vệ thân thể: Mặc trang phục bảo hộ
Bảo vệ tay: Mang găng tay
Bảo vệ chân: Mang ủng

9. ĐẶC TÍNH LÝ, HÓA CỦA HÓA CHẤT

a) **Trạng thái vật lý:** Rắn, hạt mịn
b) **Màu sắc:** Trắng
c) **Mùi đặc trưng:** Không mùi
d) **Độ pH:** 3 - 5 (dung dịch 0.1%)
e) **Độ nhớt (cps):** 30 – 80 (dung dịch 0.1%)
f) **Khối lượng riêng (g/cm^3):** Chưa có thông tin
g) **Độ hòa tan trong nước:** Tan chậm
h) **Tính ion hóa:** Cation mạnh
i) **Điểm sôi (^{o}C):** Chưa có thông tin
j) **Điểm nóng chảy (^{o}C):** Chưa có thông tin
k) **Nhiệt độ tự cháy (^{o}C):** ≥ 150^{o}C
l) **Áp suất hóa hơi (mm Hg):** Chưa có thông tin
m) **Tỷ trọng hơi (Không khí = 1) ở nhiệt độ, áp suất tiêu chuẩn:** Chưa có thông tin
n) **Giới hạn nồng độ cháy, nổ trên (% hỗn hợp với không khí):** Chưa có thông tin
o) **Giới hạn nồng độ cháy, nổ dưới (% hỗn hợp với không khí):** Chưa có thông tin
p) **Tỷ lệ hóa hơi:** 7 – 8%

10. MỨC ỔN ĐỊNH VÀ PHẢN ỨNG CỦA HÓA CHẤT

a) **Khả năng phản ứng:** Hầu như không xảy ra phản ứng phân hủy trong điều kiện thông thường
b) **Tính ổn định:** Độ ổn định cao trong môi trường bình thường, chưa có thông tin trong trường hợp đặc biệt.
c) **Phản ứng nguy hiểm (ví dụ: ăn mòn, cháy nổ…):** Chưa có thông tin
d) **Các điều kiện cần tránh (ví dụ: tĩnh điện, rung, lắc…):** Chưa có thông tin
e) **Vật liệu không tương thích:** Chưa có thông tin
f) **Phản ứng phân hủy và các sản phẩm độc của phản ứng phân hủy:** Chưa có thông tin

11. THÔNG TIN VỀ ĐỘC TÍNH

a) Thông tin về các đường phơi nhiễm khác nhau (ví dụ: đường thở, tiêu hóa, tiếp xúc mắt/da):

- Đường mắt: Có thể gây ra một số kích ứng
- Đường thở: Có thể gây ra kích ứng đường hô hấp nếu hít phải bụi
- Đường da: Có thể gây ra kích ứng nhẹ, đặc biệt là phơi nhiễm nhiều lần và kéo dài
- Đường tiêu hóa: Độc tính thấp

b) Các triệu chứng liên quan đến tính độc hại của hóa chất và độc sinh thái: Chưa có thông tin

c) Tác hại tức thì, tác hại lâu dài và những ảnh hưởng mãn tính do phơi nhiễm ngắn hạn và dài hạn: Gây kích ứng da và mắt

d) Liệt kê những thông số về độc tính (ước tính mức độ độc cấp tính):

- LD50 đối với thỏ qua đường miệng: 5000 mg/kg
- LD50 đối với thỏ qua da: 2000 mg/kg
- LC50 đối với chuột qua đường hô hấp: 20 mg/kg

12. THÔNG TIN VỀ SINH THÁI

a) Độc môi trường (nước và trên cạn): Chưa có thông tin

b) Tính bền vững, khó phân hủy và khả năng phân hủy: Chưa có thông tin

c) Khả năng tích lũy sinh học: Chưa có thông tin

d) Độ linh động trong đất: Chưa có thông tin

e) Các tác hại khác: Chưa có thông tin

13. THÔNG TIN VỀ THẢI BỎ

Sản phẩm: Xử lý theo quy định của địa phương và quốc gia..

Một số cơ quan có thẩm quyền phụ trách hoặc các công ty xử lý chất thải, các cơ quan này sẽ cho bạn những chỉ dẫn làm sao để hủy bỏ chất thải đặc biệt.

Hoá chất hết hạn hoặc mất phẩm chất phải được xử lý, nếu huỷ bỏ phải tuân thủ quy định nhà nước hiện hành.

Bao bì: Hủy bỏ được sự đồng ý của chính quyền địa phương. Xử lý bao bì bị nhiễm bẩn cũng giống như việc xử lý bản thân hóa chất đó. Nếu các điều luật không có qui định khác biệt, bao bì không nhiễm bẩn có thể xử lý giống như chất thải sinh hoạt hoặc tái sử dụng.

14. THÔNG TIN KHI VẬN CHUYỂN

a) Số hiệu UN: N/A

b) Tên phương tiện vận chuyển đường biển: N/A

c) Loại nhóm hàng nguy hiểm trong vận chuyển: N/A

d) Quy cách đóng gói (kg/bao): 10 hoặc 25

- Phân loại hàng nguy hiểm cơ bản: Hóa chất này không được quy định.
- Vận tải đường bộ: Không được phân loai.
- Vận tải đường biển: Không được phân loại.
- Vận tải đường không: Không được phân loại.

15. THÔNG TIN VỀ PHÁP LUẬT

Các thông tin pháp luật về an toàn, sức khỏe và môi trường đối với hóa chất.

Quy định cụ thể và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật hóa chất, Nghị định số 82/2022/NĐ-CP và thông tư số 17/2022/TT-BCT.

16. CÁC THÔNG TIN CẦN THIẾT KHÁC

Ngày tháng biên soạn Phiếu: 06/03/2018

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất: 05/2025

Tên tổ chức, cá nhân soạn thảo: Công ty TNHH Thuận Phát Hưng

Những thông tin trong Phiếu an toàn hóa chất này được biên soạn dựa trên các kiến thức hợp lệ và mới nhất về hóa chất nguy hiểm và phải được sử dụng để thực hiện các biện pháp ngăn ngừa rủi ro, tai nạn.